

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa
đường giao thông nông thôn năm 2015 trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 465/TTr-SGTVT ngày 24/3/2015 về việc kế hoạch Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2016 trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2016 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Kế hoạch thực hiện bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2016, trên địa bàn tỉnh.

2. Địa điểm xây dựng: Các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh.

3. Mục tiêu và quy mô đầu tư xây dựng

a. Mục tiêu xây dựng: Hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông ở khu vực nông thôn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

b. Quy mô xây dựng:

- Xây dựng hệ thống đường GTNT theo tiêu chuẩn đường GTNT loại A ($B_n = 6,0m$; $B_m = 3,5m$) M250 đá 2x4 dày 20cm trên nền đường có sẵn;

- Xây dựng hệ thống đường GTNT theo tiêu chuẩn đường GTNT loại B ($B_n = 5,0m$; $B_m = 3,0m$) M250 đá 2x4 dày 18cm trên nền đường có sẵn;

- Xây dựng hệ thống đường GTNT theo tiêu chuẩn đường GTNT loại C ($B_n = 4,0m$; $B_m = 2,5m$) M200 đá 2x4 dày 16cm trên nền đường có sẵn;

- Xây dựng hệ thống đường GTNT theo tiêu chuẩn đường GTNT loại D ($B_n = 3m$; $B_m = 2m$) M200 đá 2x4 dày 16cm trên nền đường có sẵn.

- Đảm bảo an toàn giao thông trong suốt quá trình thi công.

4. Nguồn vốn đầu tư

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ:

- + 220 tấn xi măng/km đường giao thông nông thôn loại A;
- + 170 tấn xi măng/km đường giao thông nông thôn loại B;
- + 110 tấn xi măng/km đường giao thông nông thôn loại C;
- + 90 tấn xi măng/km đường giao thông nông thôn loại D.

- Phần còn lại là ngân sách huyện, vốn lồng ghép từ các chương trình và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Bảng tổng hợp khối lượng xi măng tỉnh hỗ trợ cho đường GTNT các loại A, B, C và D.

TT	Địa phương	Chiều dài từng loại đường (km)				Chiều dài (Km)	Lượng XM hỗ trợ (Tấn)
		A	B	C	D		
01	Hoài Nhơn	17,355	43,966	3,130	20,866	85,317	13.514,560
02	An Lão	-	13,850	1,200	2,863	17,913	2.744,170
03	Hoài Ân	2,760	30,023	8,752	46,478	88,013	10.856,850
04	Phù Mỹ	12,993	20,875	28,115	14,361	76,344	10.792,350
05	Phù Cát	4,045	26,178	24,195	17,384	71,803	9.566,317
06	Tây Sơn	1,920	26,749	5,252	38,822	72,743	9.041,430
07	Vĩnh Thạnh	-	9,633	4,900	-	14,533	2.176,610
08	An Nhơn	0,303	86,244	8,323	2,817	97,687	15.897,132
09	Tuy Phước	3,679	6,716	25,045	38,026	73,466	8.128,390
10	Vân Canh	0,896	8,018	-	-	8,914	1.560,180
Tổng cộng		43,95	272,25	108,91	181,61	606,73	84.277,99

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao UBND các huyện, thị xã bố trí kế hoạch vốn theo cơ cấu nguồn vốn được UBND tỉnh thông qua; chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn (Chủ đầu tư đối với các công trình tại địa phương) tổ chức thực hiện theo đúng quy định trong công tác đầu tư xây dựng về huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để triển khai xây dựng Bê tông hóa đường giao thông nông thôn năm 2016 ở địa phương đảm bảo theo kế hoạch phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3.

- Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã kiểm tra, soát xét kỹ danh mục các tuyến đường xã, trực chính xã đủ điều kiện hỗ trợ theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, quyết định.


2

- Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các ngành hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của các địa phương theo quy định hiện hành; báo cáo định kỳ hàng Quý cho UBND tỉnh để chỉ đạo.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *ql*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty cổ phần BICEM;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17, K19.(M.30b) *ph*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng

